Số: 793/TB-UBND
Thời gian ký: 2026-11-18T14:48:10+07:00

Phụ lục 2.9

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nội vụ

(Kèm theo Thông báo số 793 /TB-UBND ngày 16 /11/2026 của UBND phường Quyết Thắng)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực Việc làm**			
1	1	1.115483	Đề nghị hỗ trợ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (Cấp tỉnh)	762/QĐ-BNV	
2	2	1.115482	Đề nghị hỗ trợ tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (Cấp tỉnh)	762/QĐ-BNV	
3	3	1.115481	Cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (Cấp tỉnh)	762/QĐ-BNV	
4	4	1.115480	Cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (Cấp tỉnh)	762/QĐ-BNV	
5	5	1.115479	Cấp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (Cấp tỉnh)	762/QĐ-BNV	
6	6	1.115478	Cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (Cấp tỉnh)	762/QĐ-BNV	
7	7	1.014753	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	
8	8	1.014754	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	
9	9	1.014750	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	
10	10	1.014752	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	
11	11	1.014749	Thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	
12	12	1.014746	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	
13	13	1.014747	Hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	
14	14	1.014751	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
15	15	1.014748	Hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	
16	16	1.014745	Tham gia bảo hiểm thất nghiệp (Cấp tỉnh)	107/QĐ-BNV	
17	17	1.014201	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	526/QĐ-BNV	
18	18	1.014198	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	526/QĐ-BNV	
19	19	1.014200	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	526/QĐ-BNV	
20	20	1.014199	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	526/QĐ-BNV	
21	21	1.014197	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	526/QĐ-BNV	
22	22	1,116,316	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 16/2026/TT-BNV	946/QĐ-BNV	
23	23		Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		
II		**Lĩnh vực Công tác thanh niên**			
23	1	6.006661	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh (Cấp tỉnh)	525/QĐ-BNV	
24	2	6.00666	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh (Cấp Tỉnh)	525/QĐ-BNV	
25	3	2.001683	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	631/QĐ-BNV	
III		**Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước**			
26	1	1.115115	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập	641/QĐ-BNV	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
27	2	2.002820	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	1561/QĐ-BNV	
28	3	1.013730	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)	458/QĐ-BNV	
29	4	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	458/QĐ-BNV	
IV		**Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động**			
30	1	2.002343	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	323/QĐ-BNV	
31	2	2.002340	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	323/QĐ-BNV	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
32	3	2.002342	Giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng	323/QĐ-BNV	
33	4	2.002341	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	323/QĐ-BNV	
34	5	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	323/QĐ-BNV	
35	6	2.000199	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	641/QĐ-BNV	
36	7	2.000037	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên	641/QĐ-BNV	
37	8	1.000187	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp hết hạn	641/QĐ-BNV	
38	9	1.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	641/QĐ-BNV	
39	10	1.000183	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị hỏng hoặc mất	641/QĐ-BNV	
40	11	1.00018	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị thu hồi	641/QĐ-BNV	
41	12	1.000148	Cấp Chứng chỉ kiểm định viên	641/QĐ-BNV	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
42	13	1.000131	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng	641/QĐ-BNV	
43	14	1.000137	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận	641/QĐ-BNV	
V		**Lĩnh vực Công chức, viên chức**			
44	1	1.014111	Thi tuyển công chức	728/QĐ-BNV	
45	2	1.014116	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	728/QĐ-BNV	
46	3	1.012299	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	862/QĐ-BNV	
47	4	1.012300	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	862/QĐ-BNV	
VI		**Lĩnh vực Người có công**			
48	1	1.010774	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	556/QĐ-BNV	
49	2	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	320/QĐ-BNV	
50	3	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	547/QĐ-LĐTBXH	
51	4	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	639/QĐ-BNV	
52	5	2.001396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	639/QĐ-BNV	
53	6	1.014359	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	1136/QĐ-BNV	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
54	7	1.013749	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	639/QĐ-BNV	
55	8	1.013745	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	639/QĐ-BNV	
56	9	1.013747	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.	639/QĐ-BNV	
57	10	1.013748	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ.	556/QĐ-BNV	
58	11	1.013746	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng.	639/QĐ-BNV	
59	12	1.013744	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	639/QĐ-BNV	
60	13	1.013743	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	639/QĐ-BNV	
61	14	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	320/QĐ-BNV	
62	15	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	320/QĐ-BNV	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
63	16	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1025/QĐ-BNV	
64	17	1.01083	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	639/QĐ-BNV	
65	18	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	320/QĐ-BNV	
66	19	1.010831	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	320/QĐ-BNV	
67	20	1.010823	Hưởng lại chế độ ưu đãi	320/QĐ-BNV	
68	21	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	639/QĐ-BNV	
69	22	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	639/QĐ-BNV	
70	23	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	320/QĐ-BNV	
71	24	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	639/QĐ-BNV	
72	25	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	556/QĐ-BNV	
73	26	1.01082	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	556/QĐ-BNV	
74	27	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	556/QĐ-BNV	
75	28	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	556/QĐ-BNV	
76	29	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	556/QĐ-BNV	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
77	30	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	556/QĐ-BNV	
78	31	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	556/QĐ-BNV	
79	32	1.010813	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	320/QĐ-BNV	
80	33	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	556/QĐ-BNV	
81	34	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	556/QĐ-BNV	
82	35	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	556/QĐ-BNV	
83	36	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	556/QĐ-BNV	
84	37	1.010806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	556/QĐ-BNV	
85	38	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	320/QĐ-BNV	
86	39	1.010807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	556/QĐ-BNV	
87	40	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	556/QĐ-BNV	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
88	41	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	556/QĐ-BNV	
89	42	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	556/QĐ-BNV	
90	43	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	556/QĐ-BNV	
91	44	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	320/QĐ-BNV	
92	45	1.010783	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	556/QĐ-BNV	
93	46	1.010790	Khám giám định phúc quyết của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng	556/QĐ-BNV	
94	47	1.010781	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	556/QĐ-BNV	
95	48	1.010792	Khám giám định phúc quyết lần cuối của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng	556/QĐ-BNV	
96	49	1.010777	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	556/QĐ-BNV	
97	50	1.010788	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	556/QĐ-BNV	
98	51	1.010778	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	556/QĐ-BNV	
99	52	1.010775	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	556/QĐ-BNV	
100	53	1.010772	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	556/QĐ-BNV	
101	54	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	1025/QĐ-BNV	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
102	55	1.001257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	639/QĐ-BNV	
VII		**Lĩnh vực Quản lý nhà nước về hội, quỹ**			
103	1	1.014941	Thủ tục quỹ tự giải thể (cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	
104	2	1.014940	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	
105	3	1.014937	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận hội đồng quản lý quỹ; công nhận hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ (Cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	
106	4	1.014938	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (Cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	
107	5	1.014939	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động (cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	
108	6	1.014936	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp tỉnh)	217/QĐ-BNV	
109	7	1.012948	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (cấp tỉnh)	780/QĐ-BNV	
110	8	1.012947	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện (cấp tỉnh).	780/QĐ-BNV	
111	9	1.012946	Thủ tục hội tự giải thể (cấp tỉnh).	780/QĐ-BNV	
112	10	1.012945	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp tỉnh).	780/QĐ-BNV	
113	11	1.012943	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (cấp tỉnh)	780/QĐ-BNV	
114	12	1.012929	Thủ tục thành lập hội (cấp tỉnh).	780/QĐ-BNV	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
115	13	1.012942	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (cấp tỉnh)	780/QĐ-BNV	
116	14	1.012927	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (cấp tỉnh)	780/QĐ-BNV	
VIII		**Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng**			
117	1	1.014680	Thủ tục tặng, truy tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"	77/QĐ-BNV	
118	2	1.014150	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	821/QĐ-BNV	
119	3	1.014149	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	821/QĐ-BNV	
IX		**Lĩnh vực Văn thư và lưu trữ nhà nước**			
120	1	1.013937	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt.	647/QĐ-BNV	
121	2	1.013932	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của nhà nước.	647/QĐ-BNV	
X		**Lĩnh vực Lao động**			
122	1	1.014352	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	1091/QĐ-BNV	
123	2	1.014319	Thủ tục tuyển chọn kiến trúc sư trưởng cấp bộ, cấp tỉnh, dự án	997/QĐ-BNV	
124	3	1.014318	Thủ tục tuyển chọn tổng công trình sư dự án	997/QĐ-BNV	
XI		**Lĩnh vực Lao động, tiền lương**			
125	1	1.009467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	321/QĐ-BNV	
126	2	1.009466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	321/QĐ-BNV	
127	3	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	641/QĐ-BNV	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
XII		**Lĩnh vực Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội**			
128	1	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	499/QĐ-BNV	